

Bản án số: 26/2024/DS - PT

Ngày 31 - 7 - 2024

V/v: Tranh chấp chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên, Bà Tòng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nét, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2024/DS-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979; địa chỉ: Xóm I, tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Cảnh N, sinh năm: 1930; địa chỉ: Xóm I, tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thu H1; sinh năm: 1961; địa chỉ: Số nhà B, khối E, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H1: Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tiểu khu M, thị trấn

Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La (hợp đồng ủy quyền ngày 05/4/2023).
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Cảnh C; sinh năm: 1963; địa chỉ: Xóm G, tiểu khu F, thị trấn Nông trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Cảnh C: Ông Vũ Hồng T và ông Bùi Văn Đ - Luật sư thuộc văn phòng L - Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số H, phố Q, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội. Ông Đ, vắng mặt, ông T, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm: 1966; địa chỉ: Tiểu khu M, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Cảnh H3; sinh năm: 1967; địa chỉ: T, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Cảnh H3: ông Nguyễn Cảnh C; sinh năm: 1963. Địa chỉ: Tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La (hợp đồng ủy quyền ngày 10/01/2024). Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H4; sinh năm: 1971; địa chỉ: Số nhà A, ngách F, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H5; sinh năm: 1973; địa chỉ: Phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Cảnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bố bà là cụ Nguyễn Cảnh N, mẹ bà là cụ Trần Thị H6 (đã chết ngày 12/9/2015). Bố mẹ bà sinh được 07 người con chung gồm: Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Cảnh C, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Cảnh H3, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị H.

Năm 1958, sau khi cụ Nguyễn Cảnh N xuất ngũ, bố mẹ bà ở lại tiểu khu F xây dựng nông trường quốc doanh M, Sơn La cho đến nay. Tài sản của bố mẹ bà để lại cho đến nay theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Cảnh N số CI325065 đã chỉnh lý lại diện tích là 898,06m² đất tại tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La được Tòa án công nhận thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng cụ Nguyễn Cảnh N, cụ Trần Thị H6 theo bản án số 40/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và Thông báo số 14/TB-TANDCC-DS ngày 19/01/2021 của TAND cấp cao tại Hà Nội.

Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu chia di sản thừa kế của bố mẹ bà như sau: Tổng diện tích đất chia di sản thừa kế là 898,06m² tại tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La có chiều dài 32 m mặt đường sẽ chia như sau: Cụ Nguyễn Cảnh N sẽ hưởng 16m chiều ngang bám mặt đường tính lộ 43 chính là phía T, phía Tây Bắc giáp đất anh trai Nguyễn Cảnh C, phía Đông Bắc giáp đất anh trai Nguyễn Cảnh C, phía Đông Nam giáp phần đất của cụ Trần Thị H6, chiều sâu của thửa đất là 36,5m (16m còn lại thuộc phần di sản thừa kế của mẹ bà). Đối với phần di sản thừa kế của mẹ bà sẽ chia cho 08 kỹ phần bằng nhau, về di sản thừa kế được chia do bà không có nhu cầu sử dụng phần đất được chia từ di sản thừa kế của cụ Trần Thị H6 nên bà xin nhượng lại phần đất được hưởng cho chị gái là bà Nguyễn Thị H2 quản lý, sử dụng, bà H2 sẽ trả cho bà giá trị đất bằng tiền theo quy định của Nhà nước.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cụ Nguyễn Cảnh N trình bày:*

Cụ nhất trí với lời khai của nguyên đơn về quan hệ gia đình giữa các đương sự. Quá trình chung sống, vợ chồng cụ khai hoang được 01 thửa đất tại tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.758,2m² mang tên Nguyễn Cảnh N, số vào sổ CI 325065. Đến năm 2019 do có sự tranh chấp về quyền sử dụng đất, cụ đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất. Bản án số: 40/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã ghi nhận việc cụ chuyển nhượng cho vợ chồng con trai là Nguyễn Cảnh C, Đặng Thị Tứ diện tích 1.575,8m² và tặng cho con trai ông Nguyễn Cảnh C 1.491,9m², đồng thời công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với số diện tích còn lại là 898,06m² cho cụ và vợ là cụ Trần Thị H6.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Cụ N nhất trí và có ý kiến như sau: Diện tích đất 898,06m² có chiều dài mặt đường là 32m, cụ đề nghị Tòa án chia cho cụ và cụ H6 mỗi người một nửa chiều dài mặt đường là 16m. Cụ tự nguyện nhận phần diện tích từ phía T (có chiều sâu thửa đất ngắn 14,65 m) giáp con trai Nguyễn Cảnh C. Đối với phần 16m chiều dài mặt đường của cụ H6, cụ đề nghị Tòa án chia thành 8 kỹ phần bằng nhau theo quy định của pháp luật đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Đối với ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói, nếu phần di sản chia cho các con có vào phần nhà thì cụ tự nguyện tháo dỡ di chuyển, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:*

Bà nhất trí với nội dung vụ việc, đơn khởi kiện của bà H và ý kiến của cụ N. Về việc chia di sản thừa kế, bà không có nhu cầu sử dụng phần đất được chia nên bà xin nhượng lại phần đất được hưởng cho em gái là bà Nguyễn Thị H2 quản lý, sử dụng, bà H2 sẽ trả cho bà giá trị đất bằng tiền theo quy định của Nhà nước.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Bà H2 nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H, ý kiến của cụ N. Về di sản thừa kế bà xin nhận hiện vật là đất, đối với phần đất của chị H1, em H4, em H có yêu cầu nhượng lại cho bà quản lý, sử dụng, bà sẽ có trách nhiệm trả cho chị H1, em H4, em H giá trị đất bằng tiền theo quy định của Nhà nước.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H4 trình bày:*

Bà nhất trí với nội dung vụ việc, đơn khởi kiện của bà H và ý kiến của cụ N. Về việc chia di sản thừa kế, bà không có nhu cầu sử dụng phần đất được chia nên bà xin nhượng lại phần đất được hưởng cho em gái là bà Nguyễn Thị H2 quản lý, sử dụng, bà H2 sẽ trả cho bà giá trị đất bằng tiền theo quy định của Nhà nước.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H5 trình bày:*

Bà nhất trí với nội dung vụ việc, đơn khởi kiện của bà H và ý kiến của cụ N. Đối với phần di sản thừa kế bà được hưởng, do không có nhu cầu sử dụng nên bà chuyển lại cho bố đẻ bà là Cụ Nguyễn Cảnh N quản lý, sử dụng.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cảnh C trình bày:*

Ông không nhất trí yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng 898,06m² đất tọa lạc tại Tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, Sơn La bởi những lý do sau:

Thứ nhất: Theo quyết định tại bản án số 40/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 của TAND tỉnh Sơn La thì bố mẹ ông là đồng chủ sử dụng hợp pháp thửa đất và sở hữu các tài sản trên đất có diện tích 898,06m². Do hiện nay bố ông là Cụ Nguyễn Cảnh N vẫn còn sống cho nên việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia thừa kế cả phần tài sản của bố ông trong khối tài sản chung của bố mẹ ông là không có căn cứ pháp lý.

Thứ hai: Trước khi chết, ngày 30/6/2015 mẹ ông là cụ Trần Thị H6 đã tự tay viết 01 bản di chúc để lại để định đoạt phần tài sản của mình với nội dung: Mẹ ông xác nhận hiện bố mẹ ông còn 28m đất mặt tiền trong đó đã làm nhà 13m, còn lại 18m giao cho bố ông là cụ Nguyễn Cảnh N được quyền bán nhưng chỉ được bán cho con cái trong gia đình. Sau khi mẹ ông chết, ngày 25/9/2015 bố ông là cụ N đã bán cho ông và vợ là bà Đặng Thị T1 01 phần thửa đất có mặt tiền giáp Quốc lộ D rộng 17m với giá 2.240.000.000 đồng.

Việc mua bán chuyển nhượng đất trên giữa bố ông với vợ chồng ông đã được bản án số 40/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 của TAND tỉnh Sơn La công nhận.

Ngày 20/12/2015, bố ông là cụ Nguyễn Cảnh N tiếp tục bán cho vợ chồng ông diện tích đất có chiều rộng giáp Quốc lộ D là 17m với giá 2.240.000.000 đồng trong giấy bán đất lập cùng ngày cụ Nguyễn Cảnh N xác nhận đã nhận đủ số tiền bán đất do ông thanh toán.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-PT ngày 18/9/2019 của TAND

huyện Mộc Châu quyết định:

“3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng đất (Giấy bán đất lập ngày 20/12/2015 giữa người bán là ông Nguyễn Cảnh N và người mua là Nguyễn Cảnh C).

4. Anh Nguyễn Cảnh C được quyền khởi kiện ông Nguyễn Cảnh N trả lại cho anh số tiền như anh khai đã trả cho ông N nhận chuyển nhượng lại diện tích đất thứ hai ngày 20/12/2015, nếu có căn cứ bằng một vụ kiện khác”.

Căn cứ nội dung giấy bán đất lập ngày 20/12/2015 thì bố ông là cụ Nguyễn Cảnh N xác nhận đã nhận đủ số tiền 2.240.000.000 đồng do ông trả cho nên ông có quyền khởi kiện bố ông để yêu cầu Tòa án buộc bố ông là cụ N phải trả lại cho ông số tiền 2.240.000.000 đồng mà Cụ N đã nhận của ông.

Như vậy di sản thừa kế của mẹ ông là cụ Trần Thị H6 để lại tại thửa đất trên đã được mẹ ông định đoạt trong bản di chúc lập ngày 30/6/2015 để lại cho bố ông là cụ N bán cho con cái trong nhà. Sau khi mẹ ông chết bố ông đã thực hiện bản di chúc của mẹ ông bằng cách bán, chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông là Nguyễn Cảnh C, Đặng Thị T1.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án huyện Mộc Châu bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với khối di sản của mẹ ông để lại là quyền sử dụng 898,06m².

Đối với số tiền 2.240.000.000 đồng bố ông đã nhận của ông ngày 20/12/2015 ông sẽ có yêu cầu độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2023 đối với ông Nguyễn Cảnh H3, ông H3 trình bày:

Sau khi mẹ ông chết đã để lại di chúc và bố ông là cụ N đã bán mảnh đất đó cho anh C (anh trai ông) theo di chúc nên về việc yêu cầu chia di sản thừa kế ông sẽ ủy quyền cho anh C tham gia giải quyết vụ án. Trường hợp mảnh đất được chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các hàng thừa kế thứ nhất thì ông cũng sẽ nhận di sản thừa kế, ông sẽ lấy hiện vật là đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá quyền sử dụng thửa đất của cụ N, cụ H6. Kết quả:

- Diện tích đất là 988,18m² (trong đó đất ở ONT: 200m²; đất trồng cây hàng năm HNK: 788,18m²), tăng lên so với đo đạc hiện trạng năm 2019 (898,06m²) là 90,12m².

- Giá trị: 374.719.000 đồng (Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất ODT là 324.000.000 đồng; giá trị đất HNK là 50.719.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H5 thay đổi ý kiến đề nghị Tòa án giao phần di sản của bà được hưởng cho bà Nguyễn Thị H2 và không yêu cầu bà H2 thanh toán giá trị di sản cho bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1

Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị H6 theo quy định của pháp luật.

2. Về phân chia tài sản và chia di sản:

Cụ Nguyễn Cảnh N được hưởng phần tài sản chung của vợ chồng có diện tích đất là 365,31m² (trong đó đất ODT 40m², đất HNK 325,31m²) thuộc thửa số 9, phần được hưởng thừa kế từ di sản thừa kế của cụ H6 tổng diện tích là 77,28m² (trong đó đất ODT 20m², đất HNK 57,28m²) thuộc thửa số 8. Tổng diện tích đất Cụ Nguyễn Cảnh N được quản lý, sử dụng là 442,5901m² (trong đó đất ODT 60m², đất HNK 382,59m²). Đất có vị trí tiếp giáp như sau: Từ M8 - M18 dài 38,69m giáp thửa số 7 (đất của bà H2); từ M8 - M11 rộng 19,56m giáp Quốc lộ D; từ M11 - M12 dài 12,31m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; từ M12 - M13 rộng 13,28m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; từ M13 - M14 dài 13,81m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; từ M14 - M15 rộng 0,93m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; từ M15 - M16 dài 10,87m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M16 - M18 rộng 6,7m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C.

Bà Nguyễn Thị H2 được hưởng thừa kế đối với phần diện tích đất được hưởng thừa kế cộng thêm phần đất thừa kế của bà H, bà H1, bà H4 và bà H5. Tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị H2 được hưởng thừa kế là 388,62m² (trong đó đất ODT 100m², đất HNK 288,62m²), giá trị đất là 180.168.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Đất có vị trí tiếp giáp như sau: Từ M3 - M23 dài 39,13m giáp thửa số 2 (đất ông H3); từ M3 - M8 rộng 10m giáp Quốc lộ D; từ M8 - M18 dài 38,69m giáp thửa số 8 (đất Cụ Nhân); từ M19 - M23 rộng 10m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H5 mỗi người 36.033.000 (Ba mươi sáu triệu không trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Cảnh H3 được hưởng thừa kế đối với phần diện tích đất được hưởng thừa kế cộng thêm phần đất thừa kế của ông C. Tổng diện tích đất ông Nguyễn Cảnh H3 được hưởng thừa kế là 156,98m² (trong đó đất ODT 40m², đất HNK 116,98m²), giá trị đất là 72.326.000 đồng. Đất có vị trí tiếp giáp như sau: Từ M3 - M23 dài 39,13m giáp thửa số 3 (đất bà H2); từ M1 - M3 rộng 04m giáp Quốc lộ D; từ M1 - M25 dài 39,37m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; từ M23 - M25 rộng 04m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Ông Nguyễn Cảnh H3 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho ông Nguyễn Cảnh C số tiền là 36.163.000 (Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 13/01/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Cảnh C** kháng cáo bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 12/01/2024. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm, giao lại hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm, với lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện Mộc Châu đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng trong việc thu thập, đánh giá các chứng cứ, xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, thiếu người tham gia tố tụng, xét xử không dựa trên các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp phúc thẩm:

Ngày 14/5/2024, ông **Nguyễn Cảnh C** nộp bổ sung thêm tài liệu mới là ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa ông **C** với Thẩm phán và Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Châu trong quá trình giải quyết sơ thẩm tại Toà án nhân dân huyện Mộc Châu; tại phiên tòa phúc thẩm nộp 01 USB ông **C** trình bày nội dung của 2 USB là: Nội dung cuộc hội thoại: Trao đổi giữa ông **C** với Thẩm phán, thư ký về nội dung vụ án về tranh chấp đất giữa ông **N**, ông **C** và các người con khác của ông **N**, bà **H6**. Trao đổi về việc ông không được tham gia đo đếm đất và tài sản tại cấp sơ thẩm do bị bệnh hiểm nghèo và đi viện mà Toà án vẫn tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và những mâu thuẫn đã xảy ra trong gia đình ông với các em ruột của ông **C**. Ngoài ra ông **C** có nộp thêm bản phô tô phiếu nộp tiền mặt mang tên người nộp **Nguyễn Cảnh H3**, bản phô tô xác nhận nhận tiền giữa ông **Nguyễn Cảnh H3** và ông **Nguyễn Cảnh N**, bản phô tô giấy mua bán đất làm nhà ở giữa bên bán **Nguyễn Thị T2**, bên bán **Nguyễn Thị H2**.

Tại cấp phúc thẩm ông **C** đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại đất tranh chấp tuy nhiên khi Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ tiến hành xem xét thì ông **C** không xác định được di sản của cụ **H6**, không chỉ được mốc giới.

Ngày 15/7/2024 Toà án nhân dân tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định Ủy thác số 88/2024/QĐ-UTTA ngày 15/7/2024 cho Toà án nhân dân huyện Mộc Châu tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với thửa đất tranh chấp. Ngày 29/7/2024 Toà án nhân dân huyện Mộc Châu đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với thửa đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**; bị đơn: ông **Nguyễn Cảnh N**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà **Nguyễn Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị H2**, bà **Nguyễn Thị Thanh H4**, bà **Nguyễn Thị H5**: Không kháng cáo, đều có đơn xin xét xử vắng mặt; ông **Nguyễn Cảnh H3** đã ủy quyền cho ông **Nguyễn Cảnh C** tham gia phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Cảnh C**: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu để xét xử lại.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan luật sư trình bày: Giữ nguyên các nội dung kháng cáo vì những vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm gồm: Cấp sơ thẩm vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H**, xác định sai tư cách tố tụng của cụ **Nguyễn Cảnh N**, xác định thiếu người tham gia tố tụng gồm bà **T1**, anh **Tuấn A** là những người đang trực tiếp canh tác trên đất tranh chấp; nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** không có năng lực hành vi dân sự; yêu cầu độc lập của ông **C** về số tiền 2.240.000.000đ không được xem xét trong vụ án; nội dung xác định di chúc của cụ **H6** không có hiệu lực pháp luật; Do đó đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chia di sản thừa kế theo diện tích đất của bản án số 40/2029/DS-PT của Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Đơn khởi kiện ngày 02/3/2023, bà **Nguyễn Thị H** có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất với ông **Nguyễn Cảnh N**, tài sản tranh chấp tại **tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là phù hợp với quy định tại khoản 2 và 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại **tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La**. Toà án nhân dân huyện Mộc Châu thụ lý và giải quyết vụ án Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là đúng theo thẩm

quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1. 2] *Xét đơn kháng cáo*: Theo đơn kháng cáo đề ngày 13 tháng 01 ngày 2024 của ông Nguyễn Cảnh C, hợp lệ, đúng quy định về chủ thể kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] *Về những người tham gia tố tụng và sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên toà phúc thẩm, vắng mặt ông Nguyễn Cảnh N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thu H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị H5 các đương sự có mặt đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; ông Nguyễn Cảnh H3 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Cảnh C. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh C:

[2.1] Ông C kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, thiếu người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Việc xác định những người tham gia tố tụng: Về xác định hàng thừa kế, các đương sự đều thừa nhận, quá trình chung sống ông Nguyễn Cảnh N, bà Trần Thị H6 có 07 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Cảnh C, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Cảnh H3, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra không có căn cứ ông N, bà H6 có con ngoài giá thú hay con nuôi. Do đó bản án sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, xác định người thừa kế di sản của bà Trần Thị H6 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Cảnh N, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Cảnh C, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Cảnh H3, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị H là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.1.2] Ông Nguyễn Cảnh C cho rằng vợ con ông là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này nên theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự cần triệu tập họ tham gia phiên toà để đảm bảo quyền, lợi ích của họ. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp, có cơ sở xác định thửa đất của cụ N và cụ H6 có tranh chấp từ năm 2019 cho đến nay. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xác định tài sản của cụ N và cụ H6 là 898,06m² đất tại tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La (có sơ đồ kèm theo), ngoài ra không có tài sản gì khác của vợ con ông C. Do vậy,

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ con ông C tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông C cung cấp 01 USB ông trình bày nội dung trong USB là những mâu thuẫn cá nhân anh chị em trong gia đình ông không phải là căn cứ chứng minh để giải quyết vụ án.

[2.1.3] Đối với yêu cầu của ông C về việc đề nghị xem xét năng lực trách nhiệm dân sự của bà Nguyễn Thị H, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã có thông báo số 1362/CV/TA ngày 01/7/2024. Tuy nhiên hết thời hạn mà ông Nguyễn Cảnh C không có tài liệu cung cấp cho Tòa án nên vụ án được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Ngày 05/10/2023, ông C có đơn yêu cầu độc lập với hai nội dung: (1) Đề nghị công nhận giá trị pháp lý của bản di chúc của cụ Trần Thị H6 lập ngày 30/6/2015. (2) Yêu cầu cụ Nguyễn Cảnh N phải trả lại 2.240.000.000 đồng đã nhận ngày 20/12/2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Nội dung (1) không phải là yêu cầu độc lập, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá về giá trị pháp lý của di chúc trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ. Đối với nội dung (2) không được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, do đó đương sự được quyền khởi kiện ở vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3.2] Về xác định tài sản chung, chia tài sản chung của cụ Nguyễn Cảnh N và cụ Nguyễn Thị H7: Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2019/DS-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xác định tài sản của cụ N và cụ H7 là 898,06m² đất tại tiểu khu F, thị trấn Nông Trường M, huyện M, tỉnh Sơn La. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xác định thửa đất nêu trên của cụ N và cụ H7 có diện tích thực tế là 988,18m², có hàng rào xây xung quanh, không có tranh chấp về ranh giới với những người sử dụng đất liền kề.

Như vậy, căn cứ Điều 33 và Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của cụ N và cụ H7 để là quyền sử dụng đất theo bản án số 40/2019/DS-PT là đúng.

Tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Cảnh C đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản, tuy nhiên Hội đồng ngày 12/7/2024 không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được do ông C không xác định được di sản của cụ H7, không chỉ được mốc giới, do đó chấp nhận việc cụ N và các con của cụ N là các em của ông C xác định di sản của cụ H7 là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên bản án số 40/2019/DS-PT công nhận quyền sử dụng đất của cụ H7 và cụ N chỉ là 898,06m² (có sơ đồ cụ thể kèm theo), nhưng cấp sơ thẩm đo thực tế là 988,18m² là vượt lên 90m² là không có căn cứ. Do đó, cần xác định lại di sản của cụ H7 là quyền sử dụng ½ thửa đất 898,06 m². Cụ Nguyễn Cảnh N tự nguyện nhận phần diện tích đất nhỏ hơn, cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện này là có căn cứ.

[3.3] Về di chúc của cụ Nguyễn Thị H7: Ngày 30/6/2015, cụ Trần Thị H6

có lập bản di chúc viết tay với nội dung: Xác định tài sản của gia đình cụ có 28m đất mặt đường, trong đó 13m đã làm nhà, 15m đất trống còn lại cụ N có quyền bán lại cho con cái trong gia đình. Do 02 con trai đã ổn định nên nguyện vọng của cụ H6 là sau này bán đất đi để dưỡng già và chia cho 05 con gái. Tuy nhiên, ý chí của cụ H6 trong di chúc về việc định đoạt, phân chia tài sản là không rõ ràng. 05 người con gái của cụ H6 gồm bà H1, bà H2, bà H4, bà H5, bà H đều nhất trí chia di sản của cụ theo pháp luật thành 8 phần bằng nhau. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ H6 theo pháp luật là có căn cứ.

[3.4] Về chia di sản thừa kế

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H5 và Nguyễn Thị H2 có ý kiến thỏa thuận giao cho bà H2 nhận thừa kế quyền sử dụng đất bằng hiện vật và bà H2 có trách nhiệm thanh toán phần giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền cho các bà H1, H4, H, H5. Thỏa thuận về việc chia di sản thừa kế của các bà là phù hợp với quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự nên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Ông Nguyễn Cảnh C đã có nhà và đất liền kề với diện tích lớn. Kỉ phần của mỗi người nhận được diện tích nhỏ nên Tòa án cấp sơ thẩm chia kỉ phần của ông C cho ông Nguyễn Cảnh H3 và buộc ông H3 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho ông C là phù hợp, có căn cứ.

Sau khi uỷ thác thu thập chứng cứ tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại ngày 29/7/2024, kết quả như sau:

Tổng diện tích đất tranh chấp là 898,06m², trong đó đất ODT 200m², đất HNK 698,06m². Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Cảnh C, rộng 19,6m (Từ M17 - M26). Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Cảnh C, dài 36,60m (Từ M1 - M28; M28 - M27; M27 - M26). Phía Tây giáp Quốc lộ D, rộng 32m (Từ M1 - M11). Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Cảnh C có chiều dài các cạnh: Từ M11 - M12 dài 14,30m; M12 - M13 rộng 10,0m; M13 - M14 dài 7,70m; M14 - M15 dài 3,60m; M15 - M16 rộng 0,9m; M16 - M17 dài 9,30m.

* Vị trí mốc giới và diện tích đất từng thửa đất được thể hiện như sau:

- Thửa số 1: Từ M1 - M28; M28 - M27; M27 - M26 dài 36,60m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M1 - M2 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M2 - M25 dài 36,40m giáp thửa số 2; M25 - M26 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 1 là 74,4m², trong đó đất ODT 20,5m², đất HNK 53,9m².

- Thửa số 2: Từ M2 - M25 dài 36,40m giáp thửa số 1; M2 - M3 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M3 - M24 dài 36,40m giáp thửa số 3; M24 - M25 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 2 là 72,9m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,9m².

- Thửa số 3: Từ M3 - M24 dài 36,40m giáp thửa số 2; M3 - M4 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M4 - M23 dài 36,30m giáp thửa số 4; M23 - M24 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 3 là 72,8m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,8m².

- Thửa số 4: Từ M4 - M23 dài 36,30m giáp thửa số 3; M4 - M5 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M5 - M22 dài 36,30m giáp thửa số 5; M22 - M23 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 4 là 72,6m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,6m².

- Thửa số 5: Từ M5 - M22 dài 36,30m giáp thửa số 4; M5 - M6 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M6 - M21 dài 36,20m giáp thửa số 6; M21 - M22 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 5 là 72,5m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,5m².

- Thửa số 6: Từ M6 - M21 dài 36,20m giáp thửa số 5; M6 - M7 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M7 - M20 dài 36,20m giáp thửa số 7; M20 - M21 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 6 là 72,4m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,4m².

- Thửa số 7: Từ M7 - M20 dài 36,20m giáp thửa số 5; M7 - M8 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M8 - M19 dài 36,20m giáp thửa số 8; M19 - M20 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 7 là 72,2m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,2m².

- Thửa số 8: Từ M8 - M19 dài 36,20m giáp thửa số 7; M8 - M9 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M9 - M18 dài 36,10m giáp thửa số 9; M18 - M19 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 8 là 72,10m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,10m².

- Thửa số 9: Từ M9 - M18 dài 36,10m giáp thửa số 8; M9 - M10 rộng 6,0m giáp Quốc lộ D; M10 - M11 rộng 10,0m giáp Quốc lộ D; M11 - M12 dài 14,30m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M12 - M13 rộng 10,0m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M13 - M14 dài 7,70m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M14 - M15 dài 3,60m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M15 - M16 rộng 0,90m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M16 - M17 dài 9,30m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 9 là 316,16m², trong đó đất ODT 39,50m², đất HNK 276,66m².

- Về định giá tài sản: Tại biên bản định giá tài sản ngày 19/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu xác định giá trị đất như sau: đất ODT có giá 1.620.000đ/1m²; đất HNK có giá 64.350đ/1m². Như vậy, tổng giá trị đất tranh chấp như sau: Đất ODT = 200 x 1.620.000 = 324.000.000đ; đất HNK = 698,06 m² x 64.350 = 44.920.161đ.

[4]. Về chia tài sản chung:

Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Cảnh N và cụ Trần Thị H6 là 898,06 m², cụ N tự nguyện nhận phần đất có diện tích nhỏ hơn (do chiều sâu của thửa đất ngắn hơn) có vị trí tiếp giáp như sau: Từ M9 - M18 dài 36,10m giáp thửa số 8; M9 - M10 rộng 6,0m giáp Quốc lộ D; M10 - M11 rộng 10,0m giáp Quốc lộ D; M11 - M12 dài 14,30m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M12 - M13 rộng 10,0m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M13 - M14 dài 7,70m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M14 - M15 dài 3,60m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M15 - M16 rộng 0,90m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M16 - M17 dài 9,30m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 9 là 316,16m², trong đó đất ODT 39,50m², đất HNK 276,66m² giá trị đất là: 81.793.071đ.

[5] Di sản thừa kế của bà Trần Thị H6: có diện tích 581,9 m² (trong đó đất ODT= 160,6m²; đất HNK = 421,4 m²). Chia cho 08 kỹ phần bao gồm: Ông Nguyễn Cảnh N, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Cảnh C, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Cảnh H3, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Cảnh N được chia diện tích đất thuộc thửa số 8, tiếp giáp như sau: Từ M8 - M19 dài 36,20m giáp thửa số 7; M8 - M9 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M9 - M18 dài 36,10m giáp thửa số 9; M18 - M19 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 8 là 72,10m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,10m². Giá trị đất: 35.752.635đ.

Bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H5 không nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất mà nhận giá trị bằng tiền nên giao cho bà H2 quản lý sử dụng, bà H2 có trách nhiệm thanh toán phần giá trị đất bằng tiền cho bà H1, bà H4, bà H, bà H5. Như vậy bà H2 sẽ được chia các thửa đất: 3, 4, 5, 6, 7 đất có vị trí tiếp giáp như sau: Từ M3 - M24 dài 36,40m giáp thửa số 2; M8 - M19 dài 36,20m giáp thửa số 8 (giáp đất ông Nguyễn Cảnh N; tổng diện tích đất bà H2 được hưởng thừa kế là 362.5 m² (trong đó đất ODT = 100m²; đất HNK= 262.5m²) giá trị đất là: 178.891.875đ bà H2 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho bà H1, H4, H, H5 mỗi người: 35.778.375đ.

Ông Nguyễn Cảnh H3 và ông Nguyễn Cảnh C được chia di sản thừa kế là thửa đất số 1 và thửa đất số 2, tuy nhiên xét ông Nguyễn Cảnh H3 có nguyện vọng chia thừa kế bằng hiện vật, bản án sơ thẩm chia cho ông H3 được nhận hiện vật và có trách nhiệm hoàn giá trị bằng tiền cho ông C là phù hợp (Do mỗi thửa đất có chiều rộng 2m nên không đủ điều kiện tách thửa). Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho ông Nguyễn Cảnh H3 di sản thừa kế là đất thuộc thửa số 1 và thửa số 2, có diện tích và vị trí tiếp giáp như sau:

+ Thửa số 1: Từ M1 - M28; M28 - M27; M27 - M26 dài 36,60m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M1 - M2 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M2 - M25 dài

36,40m giáp thửa số 2; M25 - M26 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 1 là 74,4m², trong đó đất ODT 20,5m², đất HNK 53,9m².

+ Thửa số 2: Từ M2 - M25 dài 36,40m giáp thửa số 1; M2 - M3 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M3 - M24 dài 36,40m giáp thửa số 3; M24 - M25 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 2 là 72,9m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,9m².

Tổng diện tích đất ông H3 được chia là: 147,3m² (trong đó đất ODT= 40.5 m²; đất HNK = 106,8 m²); đất có giá trị: 72.482.580đ. Ông Nguyễn Cảnh H3 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho ông Nguyễn Cảnh C là 36.241.290đ.

Từ những nhận định nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh C, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí chia tài sản: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Cảnh H3 phải chịu án phí chia thừa kế tương ứng với giá trị đất được chia thừa kế. Ông Nguyễn Cảnh N, ông Nguyễn Cảnh C được miễn án phí chia thừa kế do là người cao tuổi.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Nguyễn Cảnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm hết 5.489.000đ (năm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) số tiền này do ông C đã nộp tạm ứng. Do đó, mỗi đương sự phải chịu 686.000đ (Sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Các đương sự phải thanh toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm cho ông Nguyễn Cảnh C mỗi đương sự tương ứng số tiền là: 686.000đ (Sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 6, Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Cảnh C, sửa một phần bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị H6 theo quy định của pháp luật.

2. Về phân chia tài sản và chia di sản:

- Ông Nguyễn Cảnh N được hưởng phần tài sản chung của vợ chồng có diện tích đất là 316,16m², trong đó đất ODT 39,50m², đất HNK 276,66m² thuộc thửa số 9, phần được hưởng thừa kế từ di sản thừa kế của bà H6 tổng diện tích là 72,10m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,10m² thuộc thửa số 8. Tổng diện tích ông Nguyễn Cảnh N được quản lý, sử dụng là 388,26m² (trong đó đất ODT 59,50 m², đất HNK 328.76m²). Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Thửa số 8: Từ M8 - M19 dài 36,20m giáp thửa số 7; M8 - M9 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M9 - M18 dài 36,10m giáp thửa số 9; M18 - M19 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 8 là 72,10m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,10m².

+ Thửa số 9: Từ M9 - M18 dài 36,10m giáp thửa số 8; M9 - M10 rộng 6,0m giáp Quốc lộ D; M10 - M11 rộng 10,0m giáp Quốc lộ D; M11 - M12 dài 14,30m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M12 - M13 rộng 10,0m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M13 - M14 dài 7,70m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M14 - M15 dài 3,60m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M15 - M16 rộng 0,90m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M16 - M17 dài 9,30m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 9 là 316,16m², trong đó đất ODT 39,50m², đất HNK 276,66m².

- Bà Nguyễn Thị H2 được hưởng thừa kế đối với phần diện tích đất được hưởng thừa kế cộng thêm phần đất thừa kế của bà H, bà H1, bà H4 và bà H5. Bà Nguyễn Thị H2 được chia các thửa đất: 3, 4, 5, 6, 7 đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Thửa số 3: Từ M3 - M24 dài 36,40m giáp thửa số 2; M3 - M4 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M4 - M23 dài 36,30m giáp thửa số 4; M23 - M24 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 3 là 72,8m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,8m².

+ Thửa số 4: Từ M4 - M23 dài 36,30m giáp thửa số 3; M4 - M5 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M5 - M22 dài 36,30m giáp thửa số 5; M22 - M23 rộng 2m giáp

đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 4 là 72,6m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,6m².

+ Thửa số 5: Từ M5 - M22 dài 36,30m giáp thửa số 4; M5 - M6 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M6 - M21 dài 36,20m giáp thửa số 6; M21 - M22 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 5 là 72,5m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,5m².

+ Thửa số 6: Từ M6 - M21 dài 36,20m giáp thửa số 5; M6 - M7 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M7 - M20 dài 36,20m giáp thửa số 7; M20 - M21 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 6 là 72,4m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,4m².

- Thửa số 7: Từ M7 - M20 dài 36,20m giáp thửa số 5; M7 - M8 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M8 - M19 dài 36,20m giáp thửa số 8; M19 - M20 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 7 là 72,2m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,2m².

Tổng diện tích đất bà H2 được hưởng thừa kế là 362.5 m² (trong đó đất ODT = 100m²; đất HNK= 262.5m²) giá trị đất là: 178.891.875đ bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho bà Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H5 mỗi người: 35.778.375đ.

- Ông Nguyễn Cảnh H3 được hưởng thừa kế đối với phần diện tích đất được hưởng thừa kế cộng thêm phần đất thừa kế của ông Nguyễn Cảnh C. Đất thuộc thửa số 1 và thửa số 2, có diện tích và vị trí tiếp giáp như sau:

+ Thửa số 1: Từ M1 - M28; M28 - M27; M27 - M26 dài 36,60m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C; M1 - M2 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M2 - M25 dài 36,40m giáp thửa số 2; M25 - M26 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 1 là 74,4m², trong đó đất ODT 20,5m², đất HNK 53,9m².

+ Thửa số 2: Từ M2 - M25 dài 36,40m giáp thửa số 1; M2 - M3 rộng 2m giáp Quốc lộ D; M3 - M24 dài 36,40m giáp thửa số 3; M24 - M25 rộng 2m giáp đất ông Nguyễn Cảnh C. Tổng diện tích thửa số 2 là 72,9m², trong đó đất ODT 20m², đất HNK 52,9m².

Tổng diện tích đất ông H3 được chia là: 147.3m² (trong đó đất ODT= 40.5 m²; đất HNK = 106,8 m²); đất có giá trị: 72.436.248đ. Ông Nguyễn Cảnh H3 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất bằng tiền cho ông Nguyễn Cảnh C là 36.218.124đ.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Về chi phí tố tụng:

Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm 5.489.000đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) ông Nguyễn Cảnh C đã nộp đủ. Ông Nguyễn Cảnh N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh H4, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H5, ông Nguyễn Cảnh H3 mỗi đương sự phải thanh toán cho ông Nguyễn Cảnh C 686.000đ (sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm.

4. Về án phí.

+ Án phí chia thừa kế sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H5 mỗi đương sự phải chịu 1.788.919 đ (Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn chín trăm mười chín đồng). Ông Nguyễn Cảnh H3 phải chịu án phí chia thừa kế là 1.810.906đ (Một triệu tám trăm mười nghìn chín trăm linh sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002935 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, bà H còn phải nộp tiếp số tiền 1.488.919 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn chín trăm mười chín đồng).

+ Ông Nguyễn Cảnh N và ông Nguyễn Cảnh C không phải chịu án phí chia thừa kế tài sản.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Cảnh C không phải chịu án án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2024).

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Mộc Châu;
- Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đieu Thị Kim Liên Tòng Thị Hiền

Lại Thị Hiếu